

Bản án số: 78/2020/DS-ST
Ngày: 10 -7 - 2020
“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2020/TLST-DS ngày 14/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐXXST-DS ngày 03/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2020/QĐST-DS ngày 19/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Quốc Đ, sinh năm 1995; trú tại: Tầng 1, số 96 C, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 57016/2019/VPB AMC PN ngày 20 tháng 11 năm 2019, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Kim N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/12/2016, bà Lê Kim N có ký Hợp đồng tín dụng số LN1612190007237/HCM/HĐTD với Ngân hàng V để vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng từ ngày 29/12/2016 đến ngày 29/12/2022; mục đích sử dụng tiền vay: Vay mua xe ô tô tải nhãn hiệu DongBen thùng mui kín, số loại DB1012/TK-01, mới 100%; lãi suất tại thời điểm cho vay là 9.8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nghĩa vụ vay vốn, bà N đã thế chấp quyền sở hữu chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, số loại DB1021, số khung RM3BACAB6G2103552, số máy LJ465Q2AE6G11210475, biển kiểm soát 62C-081.52 đứng tên sử dụng Lê Kim N theo giấy chứng nhận do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An cấp ngày 27/12/2016, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2017.

Việc thế chấp này được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LN1612190007237 ngày 29/12/2016; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/12/2016

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 29/12/2016 đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 42.062.317 đồng. Trong đó, thanh toán nợ gốc là 26.410.963 đồng, thanh toán nợ lãi là 15.651.354 đồng; kể từ ngày 02/5/2018, bà Lê Kim N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết nên toàn bộ khoản vay của bà N chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã tiến hành thu hồi toàn bộ số nợ bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng bà N vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2020 là 138.003.814 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 93.589.037 đồng, nợ lãi là: 44.414.777 đồng, gồm lãi trong hạn: 29.609.851 đồng, lãi quá hạn: 14.804.926 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 11/7/2020, Bà Lê Kim N còn phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp bà N không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên xử chấp nhận cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có chức năng thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà N tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà N vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Ngân hàng V khởi kiện bà Lê Kim N phải có trách nhiệm thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN1612190007237/HCM/HĐTD ngày 29/12/2016, nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “hợp đồng tín dụng”, bà N có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện Đ, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Quốc Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của

Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Lê Kim N đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Quốc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tạm tính đến ngày 10/7/2020 là 138.003.814 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 93.589.037 đồng, nợ lãi là: 44.414.777 đồng, gồm lãi trong hạn: 29.609.851 đồng, lãi quá hạn: 14.804.926 đồng.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc:

Xét Hợp đồng tín dụng số LN1612190007237/HCM/HĐTD ngày 29/12/2016 giữa Ngân hàng V và bà N: Về bản chất, đây là hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng tín dụng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch. Theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số LN1612190007237/HCM/HĐTD ngày 29/12/2016, Ngân hàng V có cho bà N vay số tiền 120.000.000 đồng; thời hạn vay 72 tháng từ ngày 29/12/2016 đến ngày 29/12/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 29/12/2016 đến nay bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 42.062.317 đồng. Trong đó, thanh toán nợ gốc là 26.410.963 đồng, thanh toán nợ lãi là 15.651.354 đồng. Kể từ ngày 02/5/2018 đến nay, bà Lê Kim N đã ngưng không trả nợ gốc và lãi theo cam kết. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 4 nên toàn bộ khoản vay của bà N chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 93.589.037 đồng.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 91,95 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, buộc bà Lê Kim N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2020 là là: 93.589.037 đồng tiền gốc.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Lãi suất vay các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN1612190007237/HCM/HĐTD và khế ước nhận nợ số 01/LN1612190007237/HCM/HĐTD cùng ngày 29/12/2016 như sau: Lãi suất vay trong hạn là 9,8%/ năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh theo khoản 7 Điều 1 của Khế ước nhận nợ. Lãi suất vay các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Mặt khác, kể từ

ngày 02/5/2018, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên toàn bộ dư nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/7/2020, Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả cho ngân hàng tiền lãi 44.414.777 đồng, gồm lãi trong hạn: 29.609.851 đồng, lãi quá hạn: 14.804.926 đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.3] Về khoản tiền lãi sau ngày tòa xét xử sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.4] Về việc xử lý tài sản đảm bảo:

Xét Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LN1612190007237 ngày 29/12/2016. Việc thế chấp được lập thành văn bản, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/12/2016 là đúng quy định tại các Điều 343, 351, 355 Bộ luật dân sự 2005. Việc ký kết, thế chấp tài sản giữa các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó, tài sản thế chấp được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của bà N là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 122, 124, 342, 355, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn Bà Lê Kim N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Bà Lê Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 138.003.814 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 93.589.037 đồng, nợ lãi là: 44.414.777 đồng, gồm lãi trong hạn: 29.609.851 đồng, lãi quá hạn: 14.804.926 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Lê Kim N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại hợp đồng tín dụng số LN1612190007237/HCM/HĐTD và khế ước nhận nợ số

01/LN1612190007237/HCM/HĐTD cùng ngày 29/12/2016 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số LN1612190007237 ngày 29/12/2016; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/12/2016; đối tượng thế chấp là xe ô tô tải nhãn hiệu DONGBEN, số loại DB1021, số khung RM3BACAB6G2103552, số máy LJ465Q2AE6G11210475, biển kiểm soát 62C-081.52 đứng tên sử dụng Lê Kim N theo giấy chứng nhận do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An cấp ngày 27/12/2016, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2017 để đảm bảo thi hành.

3. Về án phí: Buộc Bà Lê Kim N phải nộp 6.900.190 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V 3.115.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004674 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tho